

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG BÌNH MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Bình Minh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung về Công ty

Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Minh được chuyển đổi từ Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300425814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 06 năm 2006 (cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 22 tháng 02 năm 2021).

Chủ sở hữu: Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên

Vốn điều lệ của Công ty là: 88.819.000.000 đồng

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022 là: 88.819.000.000 đồng

Trụ sở chính: Tầng 16 Cao ốc Bình Minh, số 706A Xa lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0300425814

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng, thương mại, dịch vụ

Mô hình hoạt động: Doanh nghiệp Nhà nước

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là Thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng (không hoạt động tại trụ sở chi nhánh); San lấp mặt bằng; Thi công lắp đặt hệ thống điện công trình, hệ thống phòng cháy chữa cháy, chống sét cho các công trình dân dụng và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở chi nhánh) và Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Hội đồng thành viên	Chức vụ
- Ông Cao Thu	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
- Ông Châu Vĩnh Thuận An	Thành viên Hội đồng thành viên
- Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên Hội đồng thành viên

Kiểm soát viên

- Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kiểm soát viên
-----------------------------	----------------

Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng:

- Ông Châu Vĩnh Thuận An	Tổng Giám đốc
- Ông Trương Nam Hùng	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đặng Văn Ba	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Điện Châu	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Tâm	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Bình Minh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập cho Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Cam kết

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Bình Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thay mặt và Đại diện Ban Tổng Giám đốc

Châu Vĩnh Thuận An
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG BÌNH MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		360.036.847.703	325.362.088.352
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30.952.834.261	22.295.603.501
1. Tiền	111	V.01	2.952.834.261	4.295.603.501
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.000.000.000	18.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	-	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.390.309.040	255.349.911.253
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	133.865.508.539	125.875.170.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	505.690.518	75.276.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn (tạm ứng thi công)	135	V.05	151.216.529.113	127.946.776.715
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06a	6.291.458.428	4.812.373.235
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.07a	(3.488.877.558)	(3.359.684.913)
IV. Hàng tồn kho	140		38.032.815.807	35.863.184.778
1. Hàng tồn kho	141	V.08	39.913.384.897	37.743.753.868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.880.569.090)	(1.880.569.090)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.660.888.595	1.853.388.820
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09a	1.864.501.021	1.644.306.338
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.10	414.972.899	73.351.425
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.17a	381.414.675	135.731.057
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.372.542.063	141.630.264.025
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.509.783.303	6.588.934.003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03b	125.942.000	125.942.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.06b	6.509.783.303	6.588.934.003
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.07b	(125.942.000)	(125.942.000)
II. Tài sản cố định	220		940.280.148	1.035.305.598
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	940.280.148	1.035.305.598
Nguyên giá	222		3.312.167.780	3.129.021.364
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.371.887.632)	(2.093.715.766)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG BÌNH MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

			Đơn vị tính: VND	
III. Bất động sản đầu tư	230	V.14	31.851.142.669	32.456.702.636
Nguyên giá	231		47.838.471.097	47.838.471.097
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.987.328.428)	(15.381.768.461)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		52.608.241.398	56.659.621.918
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	52.608.241.398	56.659.621.918
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02b	42.531.666.055	42.399.476.422
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		39.380.166.000	39.380.166.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.425.000.000	4.425.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.773.499.945)	(1.905.689.578)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.931.428.490	2.490.223.448
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09b	3.149.344.406	1.708.139.364
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	782.084.084	782.084.084
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		498.409.389.766	466.992.352.377

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG BÌNH MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

			Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		407.216.474.091	378.173.352.377
I. Nợ ngắn hạn	310		298.121.833.119	277.904.854.525
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	86.614.004	177.021.908
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16a	29.411.973.611	31.784.141.523
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17b	843.577.456	-
4. Phải trả người lao động	314	V.18	3.257.738.515	6.434.487.253
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19a	-	6.958.788.170
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	206.104.169.729	187.086.311.516
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.25a	49.846.092.268	34.796.102.658
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	8.571.667.536	10.668.001.497
II. Nợ dài hạn	330		109.094.640.972	100.268.497.852
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.16b	39.648.000.000	36.656.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21a	34.755.778.398	34.755.778.398
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	2.550.000.000	2.550.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.22	30.716.513.169	26.306.719.454
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.24	1.424.349.405	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.192.915.675	88.819.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	91.192.915.675	88.819.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		88.819.000.000	88.819.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.373.915.675	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		498.409.389.766	466.992.352.377

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đặng Thị Phúc Diễm

Nguyễn Thị Tuyết Tâm

Châu Vĩnh Thuận An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2022	NĂM 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	75.032.433.600	70.482.827.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75.032.433.600	70.482.827.149
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	67.605.205.179	66.380.760.791
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.427.228.421	4.102.066.358
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	70.753.201.290	65.783.277.374
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	10.285.352.252	5.844.203.233
- trong đó: chi phí lãi vay	23		2.913.182.730	3.713.419.969
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	21.893.884.119	21.485.211.133
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.001.193.340	42.555.929.366
11. Thu nhập khác	31	VI.06	206.879.580	67.952.209
12. Chi phí khác	32	VI.07	154.108.818	122.892
13. Lợi nhuận khác	40		52.770.762	67.829.317
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.053.964.102	42.623.758.683
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	-	-
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.053.964.102	42.623.758.683

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đặng Thị Phúc Diễm

Nguyễn Thị Tuyết Tâm

Châu Vĩnh Thuận An

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG BÌNH MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM 2022	NĂM 2021
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		70.271.673.484	39.580.253.357
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(93.416.706.472)	(66.284.828.330)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.546.850.634)	(6.047.896.484)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.911.910.849)	(3.422.150.663)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(171.954.481)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.272.166.996	3.688.895.904
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.744.326.214)	(12.463.756.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(45.075.953.689)	(45.121.437.262)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(183.146.416)	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.500.000.000)	(24.400.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.500.000.000	28.400.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		68.171.434.343	61.476.231.093
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		77.988.287.927	65.476.231.093
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.01	96.637.227.148	55.224.214.350
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.02	(81.587.237.538)	(64.237.516.531)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.305.093.088)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.255.103.478)	(9.013.302.181)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		8.657.230.760	11.341.491.650
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.295.603.501	10.954.111.851
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		30.952.834.261	22.295.603.501

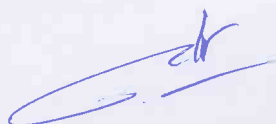
Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Đặng Thị Phúc Diễm

Nguyễn Thị Tuyết Tâm

Châu Vĩnh Thuận An